TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 792/2020/DS-PT.
Ngày: 24/8/2020.
V/v Tranh chấp hợp đồng thuê nhà.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Mỹ Nhung.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thảo.

Bà Lê Thị Ngọc Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Quỳnh Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 19 và 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/DSPT ngày 03 tháng 3 năm 2020, về việc: "Tranh chấp hợp đồng thuê nhà"; Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DSST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2197/2020/QĐPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5287/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2020, số 6486/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2020 và số 9673/2020/QĐ-PT giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp xuất nhập khẩu Đ.

Trụ sở: X đường Đ, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm X.

Địa chỉ: X đường H, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1/ Ông Hà Phú C, sinh năm X và Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm X.

Cùng địa chỉ: X đường N, phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Công ty TNHH giao nhận B.

Địa chỉ: X đường N, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm X.

Địa chỉ: X đường số X, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn - Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp xuất nhập khẩu Đ có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Ngày 05 tháng 3 năm 2015, vợ chồng ông Hà Phú C và bà Nguyễn Thị Thanh H là chủ sở hữu căn nhà số X đường Đ, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cùng Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp xuất nhập khẩu Đ (gọi tắt: Công ty Đ) có ký hợp đồng thuê nhà căn nhà số X đường Đ, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Giá thuê trên hợp đồng là 20.000.000 đồng/tháng; Phương thức thanh toán định kỳ 03 tháng/lần; Thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Trong quá trình thuê nhà, Công ty Đ đã tiến hành sửa chữa căn nhà trên với tổng giá trị sửa chữa là 993.000.000 đồng. Do việc kinh doanh không được thuận lợi nên ngày 05 tháng 7 năm 2016, được sự đồng ý của ông C - bà H nên Công ty Đ đã ký hợp đồng chuyển nhượng lại hợp đồng thuê nhà cho bên thứ ba là Công ty TNHH giao nhận B (gọi tắt: Công ty B). Hợp đồng này được lập thành 03 bản, mỗi bên lưu 01 bản. Để bù đắp lại một phần thiệt hại cho Công ty Đ đã bỏ ra sửa chữa nên ông C - bà H đồng ý cho Công ty Đ nhận số tiền chênh lệch của tiền thuê nhà. Theo hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng cho thuê nhà của 03 bên thì thời hạn của hợp đồng bằng thời hạn còn lại của hợp đồng thuê nhà giữa ông C - bà H với Công ty Đ là ngày 05 tháng 3 tháng 2020, giá thuê là 2.400 đô la Mỹ/tháng, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng trên giá 40.000.000 triệu đồng, phần chênh lệch giữa giá thuê là 2.400 đô la Mỹ và 40.000.000 đồng/tháng thì Công ty Đ được hưởng. Hiện nay, do ông C - bà H đã thanh lý hợp đồng thuê nhà với Công ty B mà không thông qua ý kiến của Công ty Đ là vi phạm hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng cho thuê nhà nói trên, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty Đ. Tại Đơn thay đổi và bổ sung yêu cầu khởi kiện cuối cùng được Công ty Đ ký ngày 24 tháng 9 năm 2019 thì Công ty Đ yêu cầu:

- Buộc ông Hà Phú C và bà Nguyễn Thị Thanh H hoàn trả cho Công ty Đ chi phí sửa chữa nhà là 993.000.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH giao nhận B bồi thường số tiền chêch lệch tiền thuê nhà từ ngày 05 tháng 5 năm 2017 đến nay là ngày 05 tháng 3 năm 2020 là 14.100.000 đồng x 34 tháng = 480.000.000 đồng.

* Bị đơn ông Hà Phú C và bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Ông bà là chủ sở hữu căn nhà số X đường Đ, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 05 tháng 3 năm 2015, ông bà cho Công ty Đ thuê căn

nhà trên, 2 bên ký hợp đồng thuê nhà tại Văn phòng công chứng, giá cho thuê thực tế là 40.000.000 đồng/tháng nhưng giá trên hợp đồng công chứng là 20.000.000 đồng/tháng. Sau khi thuê nhà, do kinh doanh gặp khó khăn nên Công ty Đ trả tiền nhà trễ hơn 01 tháng, nên ngày 23 tháng 6 năm 2016 giữa hai bên đã ký thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê nhà tại Văn phòng công chứng. Hợp đồng thể hiện các quyền và nghĩa vụ từ hợp đồng thuê nhà đã được hai bên giải quyết xong. Cùng ngày, ông bà đã ký hợp đồng cho Công ty B thuê căn nhà trên, hợp đồng cũng được ký tại Văn phòng công chứng, thời hạn thuê từ ngày 05 tháng 7 năm 2016 đến 05 tháng 3 năm 2020, giá thuê là 40.000.000 triệu/tháng. Đến ngày 05 tháng 7 năm 2016, theo yêu cầu của Công ty Đ thì để bù lại phần giá trị xây dựng của Công ty Đ tại căn nhà trên, ông bà đồng ý ký biên bản chuyển nhượng hợp đồng cho thuê nhà giữa 03 bên là ông bà, Công ty B và Công ty Đ. Theo đó, 03 tháng/lần Công ty B chuyển cho ông bà số tiền thuê nhà theo hợp đồng là 40.000.000 đồng/tháng, phần chênh lệch giữa 2.400 đô la Mỹ và 40.000.000 đồng sau khi trừ thuế thì Công ty B sẽ trực tiếp chuyển cho Công ty Đ. Đến ngày 05 tháng 7 năm 2017, ông bà và Công ty B chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà, được ký tại Văn phòng công chứng, hợp đồng cũng thể hiện các quyền và nghĩa vụ đã được các bên giải quyết xong. Nếu Công ty Đ cảm thấy bị thiệt hại thì khởi kiện Công ty B, ông bà không liên quan nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bị đơn Công ty TNHH giao nhận B được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không ý kiến.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn yêu cầu Công ty B cùng ông Hà Phú C và bà Nguyễn Thị Thanh H liên đới bồi thường số tiền chênh lệch kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 đến ngày 05 tháng 3 năm 2020 (là ngày hết hạn hợp đồng thuê nhà) cho Công ty Đ số tiền là: 15.000.000đ x 32 tháng = 480.000.000 đồng. Trong đó B có trách nhiệm trả 240.000.000 đồng và ông C - bà H có trách nhiệm trả 240.000.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Bị đơn là ông C và bà H đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông C và bà H đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của nguyên đơn do hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng thuê nhà giữa ba bên vô hiệu.

- Bị đơn là Công ty B trình bày: Do nhu cầu cần gấp mặt bằng để chuyển trụ sở công ty nên Công ty B đồng ý sang nhượng lại hợp đồng thuê nhà từ Công ty Đ với giá thuê cao hơn giá thị trường lúc đó. Do giữa ông C - bà H với Công ty Đ chưa rõ ràng phần tiền sửa chữa nhà, nên ông C và bà H đồng ý ký biên bản thỏa thuận giữa 03 bên để Công ty Đ hưởng tiền chênh lệch tiền thuê nhà. Theo đó, 3 bên thống nhất giá thuê là 2.400 đô la Mỹ/tháng, giá thuê trên hợp đồng là

40.000.000 đồng, phần chênh lệch sau khi đóng thuế thì Công ty Đ được hưởng. Do có sự thống nhất như vậy nên ngày 23 tháng 6 năm 2016 giữa ông C, bà H và Công ty B có ký hợp đồng thuê nhà, thời hạn từ ngày 05 tháng 7 năm 2016 đến ngày 05 tháng 3 năm 2020, thời hạn giao nhận nhà ngày 05 tháng 7 năm 2016 và trong ngày ba bên ký "Biên bản thỏa thuận chuyển nhượng hợp đồng thuê nhà". Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty B không đồng ý do hợp đồng thuê nhà giữa Công ty B và ông C - bà H đã được thanh lý nên Công ty B không còn nghĩa vụ với Công ty Đ.

* Bản án sơ thẩm đã tuyên:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Hà Phú C và bà Nguyễn Thị Thanh H phải bồi thường cho Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp xuất nhập khẩu Đ số tiền 463.360.000 (bốn trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa số tiền 463.360.000 (bốn trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng trong tài khoản số 0-007-5-00-141347-2 theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 04385625 của bà Nguyễn Thị Thanh H, CMND số 023418507 gửi tại Phòng giao dịch số 8 - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, địa chỉ số 146 - 148 đường Cộng Hòa, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, cho phép giao dịch số tiền ngoài phạm vi số tiền 463.360.000 đồng bằng Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Bản án số 08/2020/DSST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình bị bị đơn là ông Hà Phú C và bà Nguyễn Thị Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn là ông C – bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Nguyên đơn có bà Nguyễn Thị Kim H là đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn là ông C – bà H và Công ty B liên đới chịu trách nhiệm trả cho Công ty Đ số tiền 463.360.000 đồng.

- Bị đơn là Công ty B có ông Nguyễn Thanh T là đại diện theo ủy quyền yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét y bản án của cấp sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về thời hạn kháng cáo của các đương sự: Còn trong thời hạn quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các hợp đồng thuê nhà và chấm dứt hợp đồng thuê nhà có căn cứ cho rằng sau khi chấm dứt hợp đồng thuê nhà với Công ty Đ thì phía ông C – bà H mới cho Công ty B thuê và khi chấm dứt hợp đồng thuê nhà các bên không thỏa thuận gì về tiền sửa chữa nhà. Căn cứ vào biên bản thỏa thuận giữa ba bên cho thấy Công ty B trả tiền chênh lệch giữa 2.400 đô la Mỹ và 40.000.000 đồng cho Công ty Đ và xem như đây là số tiền bù vào tiền mà Công ty Đ đã bỏ ra sửa chữa nhà. Trên thực tế, Công ty B đã trả tiền chênh lệch này cho Công ty Đ, đây là thỏa thuận giữa hai bên, do Công ty B tự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê nhà với ông C – bà H cho nên Công ty B phải có trách nhiệm trả tiền số tiền này cho Công ty Đ. Bản án sơ thẩm buộc ông C – bà H trả số tiền chênh lệch là không có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 380 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị hội đồng xét xử xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, buộc Công ty B trả cho Công ty Đ số tiền là 463.360.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn là ông C – bà H nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đã tạm nộp tạm ứng án phí nên được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Xét "Hợp đồng thuê nhà" vào ngày 05 tháng 3 năm 2015 giữa bên cho thuê nhà là ông Hà Phú C và bà Nguyễn Thị Thanh H với Công ty TNHH đầu tư công nghiệp xuất khẩu Đ được ký tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh là do hai bên tự nguyện xác lập, có mục đích, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Căn cứ vào "Biên bản thẩm định tại chổ" ngày 25 tháng 5 năm 2017; "Hợp đồng thi công nhà ở" ngày 02 tháng 02 năm 2015 và lời khai của các đương sự đủ cơ sở xác định được sau khi thuê nhà của ông C - bà H, Công ty Đ đã sửa chữa lại căn nhà trên để phục vụ cho nhu cầu kinh doanh công ty của mình.

[2.3] Xét văn bản "Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê nhà" ngày 23 tháng 6 năm 2016 giữa ông Hà Phú C và bà Nguyễn Thị Thanh H với Công ty TNHH đầu tư công nghiệp xuất khẩu Đ được ký tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh được hai bên tự nguyện xác lập, có mục đích, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Như vậy, hợp đồng thuê nhà và thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê nhà giữa các bên là hợp pháp, không trái quy định pháp luật. Việc sửa chữa nhà được Công ty Đ thực hiện sau khi thuê nhà là để phục vụ mục đích kinh doanh của công ty. Khi ông C – bà H và Công ty Đ ký thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê nhà, hai bên không đề cập gì đến việc sửa chữa nhà. Căn cứ vào khoản 3 Điều 4 của thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê nhà thì các quyền và nghĩa vụ từ hợp đồng thuê nhà đã được hai bên giải quyết xong nên việc sửa chữa nhà xem như đã được hai bên giải quyết khi hai bên chấm dứt hợp đồng thuê nhà.

[2.5] Xét "Hợp đồng thuê nhà" ngày 23 tháng 6 năm 2016 và "Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê nhà" ngày 05 tháng 5 năm 2017 giữa bên cho thuê nhà là ông Hà Phú C và bà Nguyễn Thị Thanh H với bên thuê nhà là Công ty TNHH giao nhận B tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh là được hai bên tự nguyện xác lập, có mục đích, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật. Theo khoản 3 Điều 4 của thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê nhà thì các quyền và nghĩa vụ từ hợp đồng thuê nhà đã được giải quyết xong khi hai bên chấm dứt hợp đồng.

[2.6] Xét tờ "Chuyển nhượng hợp đồng thuê nhà" được ký ngày 05 tháng 7 năm 2016 giữa ông C – bà H; Công ty Đ và Công ty B: Căn cứ vào các hợp đồng, các thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê nhà được các bên ký tại Phòng công chứng đã thể hiện rõ sau khi ông C - bà H chấm dứt việc cho Công ty Đ thuê nhà thì mới cho Công ty B thuê. Hợp đồng thuê nhà chấm dứt trên sự tự nguyện của các bên và khi chấm dứt các bên cũng không đề cập gì đến sửa chữa, căn cứ vào điều khoản tại biên bản thỏa thuận để chấm dứt hợp đồng thì xem như quyền và nghĩa vụ đã được các bên giải quyết xong. Việc các bên ký them tờ chuyển nhượng hợp đồng thuê nhà không làm thay đổi giá trị pháp lý của các hợp đồng và các thỏa thuận giữa các bên đã ký trước đây. Tờ chuyển nhượng này chỉ đề cập thêm tại khoản 1 Điều 2 về giá thuê nhà là 2.400 đô la Mỹ/tháng (trên 40.000.000 đồng) và tại khoản 4 Điều 2 quy định bên Công ty B có trách nhiệm trả tiền nhà cho ông C – bà H và Công ty Đ. Tại các tài liệu chứng cứ ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay các bên đều thừa nhận là Công ty B trả tiền thuê nhà 40.000.000 đồng cho ông C – bà H, số tiền chênh lệch giữa 2.400 đô la Mỹ và 40.000.000 đồng thì Công ty B trả cho Công ty Đ. Và trên thực tế, các bên đã thực hiện như thỏa thuận cho đến khi ông C – bà H và Công ty B chấm dứt hợp đồng thuê nhà. Việc chấm dứt hợp đồng thuê nhà được ông C – bà H và Công ty B thống nhất và thực hiện đúng quy định pháp luật, việc trả tiền chênh lệch là do Công ty B thỏa thuận trả cho Công ty Đ, như vậy trách nhiệm trả tiền cho Công ty Đ chính là Công ty B nên cấp sơ thẩm tuyên ông C – bà H

trả số tiền chênh lệch 463.360.000 đồng cho Công ty Đ là không có cơ sở. Căn cứ theo thỏa thuận của các bên tại tờ chuyển nhượng và trên thực tế các bên đã thực hiện đã đủ cơ sở để buộc Công ty B có trách nhiệm trả số tiền chênh lệch 463.360.000 đồng cho Công ty Đ.

[2.7] Xét Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 31/2017/QĐ-BPKCTT ngày 10 tháng 5 năm 2017 và Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Do ông Hà Phú C và bà Nguyễn Thị Thanh H không có trách nhiệm trả cho Công ty Đ số tiền 463.360.000 đồng nên không cần tiếp tục duy trì các quyết định này, nên cần hủy các quyết định này.

[2.7] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Hà Phú C và bà Nguyễn Thị Thanh H là có căn cứ để chấp nhận. Do đó, cần sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc Công ty B có trách nhiệm trả cho Công ty Đ số tiền 463.360.000 đồng. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 31/2017/QĐ-BPKCTT ngày 10 tháng 5 năm 2017 và Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 4 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 463.360.000 đồng: [20.000.000 đồng + (63.360.000 đồng x 4%)] = 22.534.400 đồng. Ông C và bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Công ty Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty Đ.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của ông C và bà H được chấp nhận nên không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông C và bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 38; khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 360, 385, 422, 472, 491, 492, 500, 357 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Hà Phú C và bà Nguyễn Thị Thanh H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DSST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc Công ty TNHH giao nhận B trả cho Công ty TNHH đầu tư công nghiệp xuất khẩu Đ số tiền là 463.360.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 31/2017/QĐ-BPKCTT ngày 10 tháng 5 năm 2017 và Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH giao nhận B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.534.400 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm đồng). Hoàn lại cho Công ty TNHH đầu tư công nghiệp xuất khẩu Đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006093 ngày 26 tháng 4 năm 2017 là 20.895.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng) và AA/2018/0038599 ngày 11 tháng 6 năm 2019 là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Hà Phú C là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0039835 ngày 20 tháng 01 năm 2020; hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Thanh H là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0039838 ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Tòa án nhân dân quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Nhung